

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được UBND tỉnh Sơn La uỷ quyền giải quyết trong lĩnh vực văn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính Phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3955/QĐ-BVHTT&DL ngày 09/12/2024 của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc Ban hành bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-UBND ngày 22/01/2025 của UBND tỉnh về việc uỷ quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực văn hoá thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của UBND tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 32/TTr-SVHTT&DL ngày 12/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được UBND tỉnh uỷ

quyền giải quyết trong lĩnh vực văn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch như sau:

1. Công bố 04 Danh mục thủ tục hành chính trong đó: 02 danh mục TTHC cấp tỉnh; 02 danh mục TTHC cấp huyện và bãi bỏ 04 Danh mục thủ tục hành chính số thứ tự 35, 36, 37, 38 phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 04 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong đó: 02 quy trình cấp tỉnh; 02 quy trình cấp huyện và bãi bỏ 04 quy trình số thứ tự 35, 36, 37, 38 Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 213/QĐ-UBND ngày 24/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chuẩn hoá thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND;
- Như Điều 3;
- VNPT tỉnh Sơn La;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Tráng Thị Xuân

Phụ lục I
DANH MỤC

**Thủ tục hành chính được UBND tỉnh Sơn La uỷ quyền giải quyết trong lĩnh vực văn hoá
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 02 (TTHC)					
	LĨNH VỰC VĂN HOÁ					
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp - Trực tuyến - Dịch vụ bưu chính công ích	* Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 15.000.000 đồng/giấy. * Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định cấp Giấy phép là 10.000.000 đồng/	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/ 01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/02/2021;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					giấy.	- Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	Trong 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp - Trực tuyến - Dịch vụ bưu chính công ích	Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/ 01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/02/2021; - Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
						148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
II	DANH MỤC TTHC CẤP HUYỆN: 02 (TTHC)					
1	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke cấp huyện	Trong 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp - Trực tuyến - Dịch vụ bưu chính công ích	* Tại các thành phố trực thuộc Trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: - Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy. - Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy. - Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/ 6/ 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/ 01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25/02/2021; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2024 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					* Tại các khu vực khác: - Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000 đồng/giấy. - Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy. - Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy.	Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.
2	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện	Trong 06 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Trực tiếp - Trực tuyến - Dịch vụ bưu chính công ích	* Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 2.000.000	- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07/ 01/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. * Tại các khu vực khác: Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. * Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay	từ ngày 25/02/2021; - Nghị định số 148/2024/NĐ-CP ngày 12/11/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (<i>đồng</i>)	Căn cứ pháp lý
					đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.	

Phụ lục II**DANH MỤC**

Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được UBND tỉnh Sơn La uỷ quyền giải quyết trong lĩnh vực văn hoá thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

I. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh: 02 quy trình**1. Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường**

- Thời gian giải quyết: 09 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1 ngày
B2	Phòng Quản lý Văn hoá thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Ý kiến phân công thụ lý	1 ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo các văn bản liên quan	4 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt.	1 ngày

B4	Phát hành văn bản chuyển bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn thư	Văn bản ký số	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Số hóa kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				09 ngày

2. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường

- Thời gian giải quyết: 06 ngày
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa.	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý Văn hoá thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo các văn bản liên quan	2 ngày
		Lãnh đạo phòng xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo Sở phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1 ngày

B3	Xem xét, phê duyệt.	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt.	1 ngày
B4	Phát hành văn bản chuyển bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn thư	Văn bản ký số	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận Một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh	Số hóa kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				06 ngày

II. Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện: 02 quy trình

1. Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke cấp huyện

- Thời gian giải quyết: 09 ngày làm việc
- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	1/2 ngày
B2	Phòng, ban chuyên môn thụ lý, xử lý hồ sơ (<i>Khi được UBND huyện ủy quyền giải quyết TCHC</i>)	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo các văn bản liên quan	03 ngày

		Lãnh đạo phòng, ban xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo huyện phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt. Trình UBND huyện	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công huyện	Văn thư	Hồ sơ chuyển liên thông	1/2 ngày
B5	Gửi hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ chuyển liên thông	1/2 ngày
B6	Liên thông UBND huyện			02 ngày
B7	Tiếp nhận trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Số hóa kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện				9 ngày

2. Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

- Các bước xử lý:

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ được Scan, lưu điện tử. Số hóa thành phần hồ sơ bắt buộc số hóa	1/4 ngày

B2	Phòng, ban chuyên môn thụ lý, xử lý hồ sơ <i>(Khi được UBND huyện ủy quyền giải quyết TCHC)</i>	Lãnh đạo Phòng, ban chuyên môn	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý, xử lý hồ sơ	Tham mưu, dự thảo các văn bản liên quan	01 ngày
		Lãnh đạo phòng, ban xem xét, thẩm định, trình lãnh đạo huyện phê duyệt	Ý kiến thẩm định	1 ngày
B3	Xem xét, phê duyệt. Trình UBND huyện	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B4	Phát hành văn bản chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ Hành chính công huyện	Văn thư	Hồ sơ chuyển liên thông	1/2 ngày
B5	Gửi hồ sơ liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Hồ sơ chuyển liên thông	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND huyện			02 ngày
B7	Tiếp nhận trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	Số hóa kết quả	1/4 ngày
Tổng thời gian thực hiện				6 ngày